

Bản án số 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13.8. 2024

V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Ngọc Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Minh Thân và ông Trần Minh Tám.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2024/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Văn Tiến T, sinh năm 1975; Đ chỉ: 72 L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Văn Tiến T chung sống với nhau từ năm 2003, đến năm 2004 thì chúng tôi mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Từ khi kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, tôi sống ở tỉnh Quảng Ngãi, còn ông T sống tại số nhà G L, thành phố Đà Nẵng. Từ khi sống ly thân chỉ mình tôi nuôi 3 con, ông T không quan tâm đến gia đình và không gửi tiền để tôi nuôi con. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và ông T không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Tôi và ông **T** có 3 con chung Văn Tiến **V** - sinh năm: 2003, Văn Tường **V1** - sinh năm: 2005 và Văn Nguyễn Tường H1 - sinh năm: 26/6/2019. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Văn Nguyễn Tường Hân, tôi không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Văn Tiến **V** và Văn Tường **V1** đã thành niên nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Trong bản tự khai và trong biên bản hòa giải, bị đơn ông Văn Tiến **T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất thời gian kết hôn như lời trình bày của bà **H**. Tôi không đồng ý yêu cầu ly hôn với bà **H** vì tôi vẫn còn tình cảm với bà **H** vì vợ không có mâu thuẫn, vì tôi phải đi làm ăn xa nên vợ chồng không thường xuyên ở gần nhau nên vợ chồng có những lúc to tiếng với nhau.

- Về con chung: Tôi và bà **H** có 3 con chung Văn Tiến **V** - sinh năm: 2003, Văn Tường **V1** - sinh năm: 2005 và Văn Nguyễn Tường H2 - sinh năm: 26/6/2019. Nếu Tòa án giải quyết cho bà **H** ly hôn với tôi, tôi đồng ý giao con chung Văn Nguyễn Tường Hân cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Văn Tiến **V** và Văn Tường **V1** đã thành niên nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà **H** được ly hôn với ông **T**. Về con chung, giao 01 con chung Văn Nguyễn Tường H3 - sinh năm: 26/6/2019 cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **T** không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà **H** và ông **T** là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận **T** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Bà H ông T đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H ông T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên đi làm ăn xa và vợ chồng sống ly thân gần 7 năm nay. Từ tháng 7.2023 đến nay ông T không về nhà. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà H ông Thành thực s đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Hai người đã ly thân từ tháng 7.2023 cho đến nay, không ai có trách nhiệm hay quan hệ gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T chỉ đến Tòa án 1 lần và vắng mặt tất cả các buổi làm việc sau này. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông T là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Bà H ông T có 3 con chung Văn Tiến V2, sinh năm 2003, Văn Tường V1, sinh năm 2005 và Văn Nguyễn Tường H3, sinh ngày 26/6/2019. Hai cháu V2 và V1 đã thành niên, bà H yêu cầu được nuôi cháu H3 chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chưa thành niên đang ở với bà H, ông T không có chỗ ở ổn định nên yêu cầu của bà H được nuôi con là phù hợp nên chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn” đối với ông Văn Tiến T.

### 2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Văn Tiến T .

- Về con chung: Giao 01 con chung là Văn Nguyễn Tường H3, sinh ngày 26/6/2019 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Ông Văn Tiến T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà **H** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà **H** đã nộp theo biên lai thu số 1158 ngày 16.5.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự; **THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q. Thanh Khê;

- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;

- UBND p. Mỹ An;

- Lưu hồ sơ.

**Đặng Ngọc Cường**